

BỘ CÔNG AN
Số: 39/2019/TT-BCA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 10 năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2016/TT-BCA ngày 03 tháng 3 năm 2016 quy định về công tác tàng thư căn cước công dân

Căn cứ Luật Căn cước công dân năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2016/TT-BCA ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác tàng thư căn cước công dân.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2016/TT-BCA ngày 03 tháng 3 năm 2016 quy định về công tác tàng thư căn cước công dân

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội chủ trì, phối hợp với Cục Kế hoạch và tài chính, các đơn vị có liên quan báo cáo lãnh đạo Bộ phê duyệt kinh phí thường xuyên bảo đảm cho hoạt động công tác tàng thư căn cước công dân.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ trong tàng thư căn cước công dân

1. Hồ sơ, tài liệu về công tác cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân gồm:

- a) Tờ khai Căn cước công dân;
- b) Phiếu thu nhận thông tin Căn cước công dân;
- c) Phiếu chuyển hồ sơ Căn cước công dân (nếu có);

d) Phiếu điều chỉnh Thông tin Căn cước công dân (nếu có);

đ) Các tài liệu về công tác cấp, quản lý thẻ Căn cước công dân và các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ, tài liệu Chứng minh nhân dân 9 số:

a) Tờ khai Chứng minh nhân dân;

b) Chỉ bản Chứng minh nhân dân;

c) Thẻ điều chỉnh tờ khai Chứng minh nhân dân (nếu có);

d) Phiếu chuyển hồ sơ Chứng minh nhân dân (nếu có);

đ) Các tài liệu về công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân dân và các tài liệu khác có liên quan.

3. Hồ sơ, tài liệu Chứng minh nhân dân 12 số:

a) Tờ khai Chứng minh nhân dân;

b) Thẻ điều chỉnh tờ khai Chứng minh nhân dân (nếu có);

c) Phiếu chuyển hồ sơ Chứng minh nhân dân (nếu có);

d) Các tài liệu về công tác cấp, quản lý Chứng minh nhân dân và các tài liệu khác có liên quan.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Chuyển giao hồ sơ, tài liệu về căn cước công dân

1. Trường hợp công dân đã được cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân chuyển nơi thường trú ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được Phiếu thông tin thay đổi về hộ khẩu, nhân khẩu do cơ quan đăng ký, quản lý cư trú gửi đến, cơ quan quản lý tàng thư căn cước công dân nơi công dân chuyển đi có trách nhiệm chuyển bản chính (lưu lại bản sao) hồ sơ, tài liệu về căn cước công dân cho cơ quan quản lý tàng thư căn cước công dân nơi công dân chuyển đến thường trú.

2. Trường hợp công dân được cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân tại Trung tâm Căn cước công dân quốc gia thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội hoặc tại địa phương không phải nơi công dân đăng ký thường trú thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân, cơ quan cấp, đổi,